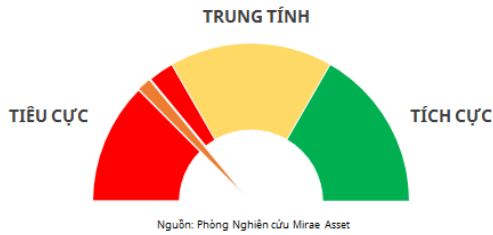


Thang đo sức mạnh thị trường



01 Tháng Mười 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,334.89	-1.20	0.02	46.03
HNX	356.49	-0.87	3.80	167.03
UPCOM	95.98	-2.13	2.10	53.77
MSCI EM	1,253.10	-0.95	-4.52	15.51
NIKKEI	28,771.07	-4.89	1.12	24.09
HANG SENG	24,575.64	0.26	-5.58	4.76
KOSPI	3,019.18	-3.39	-5.86	29.70
FTSE	7,018.78	-0.46	-1.83	19.38
S&P 500	4,307.54	-3.18	-4.79	27.41
NASDAQ	14,448.58	-4.01	-5.62	27.56

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.24	2.58	16.07
SET INDEX	19.78	1.74	7.55
JCI INDEX	24.67	1.52	-1.55
PCOMP INDEX	23.21	1.70	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.93	1	10	-34
10 năm	2.13	1	5	-38

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,761	0.04	0.01	1.84
US\$/KRW	1,188	-0.96	-2.60	-1.56
US\$/JPY	111	-0.36	-1.01	-5.04
US\$/EUR	0.86	1.22	2.25	1.43
US\$/GBP	0.74	1.46	2.16	-4.36
US\$/SGD	1.36	-0.35	-1.02	0.37

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	795	843	679
HNX	110	135	99
UPCOM	83	87	46

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

GDP quý 3 kéo VN-Index thụt lùi, nhóm dầu khí trở thành ngôi sao mới trong tuần

Sau nỗi lo về sự việc Evergrande, TTCK Việt Nam lại tiếp tục đón nhận thông tin GDP quý 3 tăng trưởng âm 6,17%. Thông tin trên đã kéo theo nỗi lo về KQKD quý 3 của phần lớn các ngành nghề quan trọng trên thị trường sẽ sụt giảm. VN-Index đã跌 mất gần 30 điểm trong phiên đầu tuần, sau khi chạm vùng thấp nhất trong tuần tại 1.316, chỉ số đã có nhịp hồi phục nhưng không thể vượt qua ngưỡng 1.350 và chốt tuần tại 1.334,89. So với mức đóng cửa của tuần trước, VN-Index giảm 16,28 điểm tương ứng mức giảm 1,2%.

Trong khi nhiều ngành chịu ảnh hưởng trong Q3/2021 dẫn đến việc các cổ phiếu bị bán mạnh trong tuần thì nhóm cổ phiếu dầu khí lại có diễn biến rất ấn tượng. Trong tuần, cổ phiếu họ Dầu khí ghi nhận biến động tích cực khi nhiều bluechip ngành này tăng trên 10% như GAS, PVD, DPM, một số midcap của ngành như CNG, PVG, PGS thậm chí còn tăng đến hơn 20%.

Trong tuần khối ngoại bán ròng hơn 1.000 tỷ đồng trên cả 2 sàn. HPG, VIC và VCB là 3 mã bị bán ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt đạt 370 tỷ đồng, 160 tỷ đồng và 133 tỷ đồng. Chiều mua ròng, VNM dẫn đầu danh sách với giá trị 394 tỷ đồng.

Trong 2 tuần gần đây, VN-Index đang có cùng 1 kịch bản biến động đó là giảm trong phiên đầu tuần trước tin xấu, sau đó hồi phục trong những phiên còn lại. Liên tục tạo các đỉnh và đáy thấp hơn trong 2 tuần qua, VN-Index đã rơi vào xu hướng giảm điểm ngắn hạn với mức biến động hẹp. Chúng tôi dự báo tuần sau xu hướng giảm điểm vẫn có thể duy trì và mức giảm có thể quanh 2%, do đó mức hỗ trợ kỹ thuật sẽ là vùng 1.316 – 1.320. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 16,24 lần

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-3	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 4.615 tỷ đồng, tương ứng 57,7% tổng lượng gọi thầu, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tiếp tục giảm về mức 1,6 lần từ mức 1,8 lần của tuần trước. Kết quả chi tiết các kỳ hạn như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 1.630/2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,12% (+4bps); (2) Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 2.060/ 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,35% (+4bps); (3) Kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 925/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,8% (+0bps) và (4) Kỳ hạn 5 năm đã thất bại toàn bộ.
- Tuần sau vào ngày 10/10 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 22/09 – 29/09, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn O/N, 2 tuần và 1 tháng ghi nhận các mức giảm lần lượt 1bps, 8bps và 12bps về các mức 0,67%, 0,89% và 1,3%. Trong khi kỳ hạn 1 tuần và 3 tháng lần lượt tăng lên các mức 0,84% (+1bps) và 2,07% (42bps). Kỳ hạn 6 tháng ghi nhận mức giảm mạnh nhất khi giảm 123bps về mức 1,8%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 01/10/21 của NHNN** đã tăng 0,112% so với cuối tuần trước, lên mức 23.160 VND/USD. Tỷ giá NHTM giữ nguyên tại mức 22.630 – 22.860 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã tăng 0,412% chiều mua nhưng giảm 0,022% chiều bán chốt ở mức 23.130 – 23.180 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (10/09/2021)	1,334.89	Kháng cự 1 1.350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.370
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.315
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.300

VN-Index đã rơi vào xu hướng giảm điểm ngắn hạn khi liên tiếp 2 tuần chỉ số đã tạo đỉnh và đáy thấp hơn. Với mức biến động thấp trong 2 tuần qua, chúng tôi nhận định chỉ số có thể giảm khoảng 2% về mốc 1.316 – 1.320 trong tuần sau. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/10/2021)	1,441	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.520
VN30 - đóng cửa	1.441.8	Hỗ trợ 1	1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-0,83	Hỗ trợ 2	1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M hiện đã đóng cửa dưới những ngưỡng hỗ trợ mạnh ngắn hạn và trạng thái đánh giá kỹ thuật chuyển dần từ KHẢ QUAN về TRUNG TÍNH. Nhà đầu tư nên đứng ngoài theo dõi xu hướng biến động trước khi mở vị thế mới.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.55	5,676,620	-6	TIÊU CỰC	5,076	12.4	1.1
ACB	31.5	4,798,630	0	TRUNG TÍNH	85,111	8.8	2.1
APG	17.7	3,386,430	-4	TIÊU CỰC	1,295	13.7	1.6
APS	22.3	3,152,595	7	KHẢ QUAN	1,349	10.5	2.1
ASM	14.95	4,921,090	-4	TIÊU CỰC	3,870	9.4	0.8
BCG	17.6	4,740,065	-4	TIÊU CỰC	5,237	5.6	1.4
BID	38.8	1,385,955	-1	TRUNG TÍNH	156,054	15.7	1.9
BII	16.1	4,363,700	-5	TIÊU CỰC	929	10.8	1.6
BSR	20.2	11,631,445	7	KHẢ QUAN	62,630	#N/A N/A	2.0
BVH	57.9	1,446,390	4	KHẢ QUAN	42,980	23.0	2.1
CEO	10	6,013,645	-4	TIÊU CỰC	2,573	#N/A N/A	0.9
CII	18.5	3,297,340	5	KHẢ QUAN	4,419	145.9	0.9
CSV	56.4	985,740	-4	TIÊU CỰC	2,493	14.3	2.3
CTG	29.75	8,275,295	-7	TIÊU CỰC	142,971	8.7	1.5
CTR	82	737,475	2	TRUNG TÍNH	7,620	27.3	7.2
DBC	56	2,422,045	-7	TIÊU CỰC	6,453	5.2	1.4
DCM	28.2	4,341,025	5	KHẢ QUAN	14,929	24.1	2.2
DDV	29.2	4,018,170	-4	TIÊU CỰC	4,266	149.7	3.4
DGC	158.9	1,286,765	0	TRUNG TÍNH	27,185	27.1	6.1
DGW	119.9	646,800	1	TRUNG TÍNH	10,599	26.1	7.6
DIG	30.5	8,244,275	-2	TRUNG TÍNH	12,959	16.7	2.6
DLG	4.38	15,856,965	0	TRUNG TÍNH	1,311	#N/A N/A	0.6
DPG	53.5	1,183,565	4	KHẢ QUAN	3,370	10.9	2.8
DPM	38.1	5,682,895	3	TRUNG TÍNH	14,910	13.1	1.7
DRC	31.8	1,828,930	-4	TIÊU CỰC	3,778	11.1	2.2
DXG	18.8	4,105,475	-5	TIÊU CỰC	11,205	13.6	1.3
FCN	14	4,036,225	-2	TRUNG TÍNH	1,756	12.5	0.8
FIT	12.5	12,095,075	-4	TIÊU CỰC	3,184	23.0	1.0
FLC	10.7	16,435,610	-5	TIÊU CỰC	7,597	4.2	0.8
FPT	92.9	1,851,470	-4	TIÊU CỰC	84,304	21.9	5.0
FRT	47.55	2,238,595	2	TRUNG TÍNH	3,756	56.4	2.9
GAS	103.5	1,357,540	7	KHẢ QUAN	198,094	25.4	4.2
GEX	23	7,162,275	-6	TIÊU CỰC	17,967	13.3	1.8
GMD	48.7	2,915,045	-4	TIÊU CỰC	14,677	35.9	2.4
GVR	36.1	4,097,385	-4	TIÊU CỰC	144,400	30.6	3.0
HAH	64	1,924,815	-4	TIÊU CỰC	3,033	14.4	2.6
HBC	15.8	6,761,550	6	KHẢ QUAN	3,830	27.4	1.0
HCM	50.5	4,559,105	-5	TIÊU CỰC	15,405	17.4	3.2
HDC	75.7	731,885	7	KHẢ QUAN	6,546	21.4	5.0
HDG	56.5	1,766,510	2	TRUNG TÍNH	9,245	13.3	2.7
HHV	20	6,262,185	-4	TIÊU CỰC	5,348	34.3	0.9
HNG	7.1	7,685,790	-5	TIÊU CỰC	7,871	#N/A N/A	1.0
HPG	53.4	27,250,230	7	KHẢ QUAN	238,854	9.5	3.2
HSG	46.75	13,919,550	0	TRUNG TÍNH	23,070	6.0	2.3
HT1	23.7	3,976,835	5	KHẢ QUAN	9,043	14.3	1.6
IDC	52.6	4,649,575	7	KHẢ QUAN	15,780	31.1	4.1
IDJ	35.1	1,631,350	5	KHẢ QUAN	2,580	17.4	3.1
IJC	27.5	7,300,150	-4	TIÊU CỰC	5,970	7.8	1.9
ITA	7.15	14,609,085	-6	TIÊU CỰC	6,709	37.9	0.6
KBC	42.7	12,374,545	0	TRUNG TÍNH	20,059	23.6	2.0
KDC	58	1,976,625	-7	TIÊU CỰC	13,267	25.8	2.3
KDH	41.3	2,630,650	-3	TRUNG TÍNH	26,553	21.0	3.0

KSB	33.5	2,566,965	-4	TIÊU CỰC	2,455	9.8	1.5
LCG	18.5	7,033,995	-4	TIÊU CỰC	2,132	5.9	1.2
LPB	20.9	4,973,460	-7	TIÊU CỰC	25,155	9.4	1.6
MBB	27.45	12,259,490	-3	TRUNG TÍNH	103,715	9.9	1.9
MBS	31.8	2,033,715	-7	TIÊU CỰC	8,510	16.9	2.8
MSN	140	1,375,230	2	TRUNG TÍNH	165,275	78.3	7.7
MWG	126.2	1,412,960	-2	TRUNG TÍNH	89,969	19.6	4.9
NKG	44.8	8,132,830	-2	TRUNG TÍNH	9,784	6.6	2.1
NLG	41.3	2,174,855	-6	TIÊU CỰC	14,260	10.5	1.8
NVL	102	2,061,655	-4	TIÊU CỰC	150,308	28.4	4.5
ORS	27.3	2,084,840	1	TRUNG TÍNH	5,460	25.9	4.3
PC1	38.7	2,208,355	6	KHẢ QUAN	7,399	11.2	1.7
PDR	84	3,330,565	5	KHẢ QUAN	40,889	29.0	7.3
PET	26.9	2,515,445	-2	TRUNG TÍNH	2,417	12.6	1.4
PLX	51.9	1,170,175	6	KHẢ QUAN	65,944	16.1	2.6
PNJ	99	694,655	7	KHẢ QUAN	22,509	17.0	3.9
POW	12.2	11,672,615	7	KHẢ QUAN	28,571	11.3	1.0
PVD	23.6	8,771,360	7	KHẢ QUAN	9,939	1,072.2	0.7
PVS	28.7	11,272,480	7	KHẢ QUAN	13,718	25.3	1.1
PVT	23.3	6,971,675	-4	TIÊU CỰC	7,541	9.4	1.5
REE	65.9	939,135	-2	TRUNG TÍNH	20,366	11.3	1.7
ROS	5.23	13,175,805	-4	TIÊU CỰC	2,969	16.1	0.5
SBT	21.15	4,994,995	-2	TRUNG TÍNH	13,307	19.8	1.7
SCR	12	14,234,225	-5	TIÊU CỰC	4,396	15.0	0.9
SHB	26.1	14,070,130	0	TRUNG TÍNH	50,257	13.5	1.9
SHS	35.6	4,824,440	-7	TIÊU CỰC	10,153	9.6	2.4
SSI	39.2	10,317,925	-7	TIÊU CỰC	38,524	21.1	3.4
STB	24.7	12,804,545	-7	TIÊU CỰC	46,565	12.9	1.5
SZC	47.1	1,202,265	-2	TRUNG TÍNH	4,710	18.9	3.5
TCB	49	7,622,915	-1	TRUNG TÍNH	172,035	10.6	2.1
TCH	17.9	10,797,815	2	TRUNG TÍNH	11,075	8.6	1.2
TDH	11.3	5,187,340	-4	TIÊU CỰC	1,273	#N/A N/A	0.8
TLH	21.5	3,674,245	-4	TIÊU CỰC	2,164	5.5	1.3
TNG	27.2	2,965,075	0	TRUNG TÍNH	2,336	13.2	1.9
TPB	42.6	8,394,815	7	KHẢ QUAN	49,913	10.1	2.3
VCB	95.9	854,485	-7	TIÊU CỰC	355,681	17.3	3.4
VCI	57.7	4,782,380	-7	TIÊU CỰC	19,214	16.6	3.6
VGt	19.6	6,782,250	-2	TRUNG TÍNH	9,800	34.4	1.6
VHC	52.4	2,324,535	1	TRUNG TÍNH	9,534	13.0	1.8
VHM	77	8,080,215	-7	TIÊU CỰC	335,286	10.0	3.4
VIC	87.7	3,285,185	2	TRUNG TÍNH	333,717	49.6	3.7
VIX	17.65	3,159,090	-5	TIÊU CỰC	4,847	5.3	1.7
VJC	128.8	878,105	2	TRUNG TÍNH	69,760	462.3	4.1
VND	49.5	7,126,405	-7	TIÊU CỰC	21,237	11.5	3.5
VNM	89.8	3,730,895	2	TRUNG TÍNH	187,678	19.6	5.9
VOS	22.35	3,920,000	-4	TIÊU CỰC	3,129	20.5	4.3
VPB	63.9	7,013,245	-5	TIÊU CỰC	157,817	12.6	2.6
VRE	28.2	5,290,175	-5	TIÊU CỰC	64,079	23.6	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Quốc hội Mỹ thông qua dự luật ngăn chặn khả năng đóng cửa chính phủ

Với 254 phiếu thuận và 175 phiếu chống, Hạ viện Mỹ ngày 30/9 thông qua một dự luật cấp ngân sách tạm thời nhằm ngăn chặn khả năng đóng cửa chính phủ trước hạn chót, trong bối cảnh các lãnh đạo đảng Dân chủ đang nỗ lực hòa giải giữa các thành viên có lập trường khác biệt về chương trình nghị sự đối nội của Tổng thống Joe Biden.

Trước đó cùng ngày, với 65 phiếu thuận và 35 phiếu chống, Thượng viện Mỹ thông qua dự luật nói trên. Chủ tịch phe đa số tại Thượng viện Chuck Schumer gọi kết quả bỏ phiếu này là một "tia hy vọng" và nhấn mạnh: "Đây là một kết quả khả quan, tôi hài lòng vì chúng tôi đã hoàn thành công việc".

Ông Schumer cũng nêu rõ: "Hiện tại, đây là một trong những vấn đề lớn nhất mà chúng tôi phải đối mặt trong thời gian qua nhằm đảm bảo rằng chính phủ mở cửa và bây giờ chúng tôi có thể chắc chắn rằng điều đó sẽ xảy ra."

Dự luật mới được quốc hội Mỹ thông qua nói trên đang được đệ trình lên Tổng thống Joe Biden để ký ban hành trước khi chính phủ hết ngân sách hoạt động vào nửa đêm.

Nếu dự luật không được ban hành, chính phủ liên bang sẽ phải đóng cửa kể từ ngày 1/10, ngược lại, dự luật sẽ giúp chính phủ mở cửa đến ngày 3/12.

Thiếu từ điện đến than, Trung Quốc yêu cầu đảm bảo nguồn cung cho mùa đông bằng mọi giá

Nhà chức trách Trung Quốc đã yêu cầu các công ty năng lượng quốc doanh hàng đầu nước này, từ than cho đến dầu, điện, phải đảm bảo nguồn cung cho mùa đông tới bằng mọi giá, theo các nguồn thạo tin.

Yêu cầu trên đến trực tiếp từ Phó thủ tướng Hàn Chính, phụ trách giám sát lĩnh vực năng lượng và sản xuất công nghiệp Trung Quốc, trong cuộc họp khẩn cấp hồi đầu tuần với các quan chức đến từ cơ quan quản lý tài sản quốc doanh và hoạch định kinh tế. Việc mất điện sẽ là không thể chấp nhận được.

Giá dầu WTI, khí tự nhiên tại Mỹ đều tăng. Giá than tương lai tại Trung Quốc ngày 30/9 lên đỉnh lịch sử trong bối cảnh nước này đối mặt tình trạng thiếu nhiên liệu ngay trước đợt nghỉ lễ Tuần lễ Vàng. Giá than đã tăng hơn 2 lần trong năm nay do lực cầu điện từ các nhà máy tăng trong khi sản lượng tại các mỏ than tăng chậm.

Cuộc họp khẩn cấp cho thấy tình hình nghiêm trọng tại Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng năng lượng đang bủa vây nước này, một số khu vực phải hạn chế sử dụng điện với lĩnh vực công nghiệp, một số khu vực dân cư thậm chí còn bị cắt điện đột xuất. Trung Quốc thiếu điện còn tạo ra biến động trên thị trường hàng hóa toàn cầu, thúc đẩy giá mọi thứ đi lên, từ phân bón cho đến silicon.

Bất chấp đại dịch, dù GDP quý III/2021 cả nước tăng trưởng âm, Hải Phòng vẫn đạt tăng trưởng 2 con số

Ngày 30/9, Hải Phòng có thông tin về tình hình phát triển kinh tế, xã hội 9 tháng đầu năm 2021. Theo đó, trong 9 tháng đầu năm 2021, Hải Phòng trở thành địa phương đứng thứ 2 cả nước về thu hút vốn đầu tư FDI.

Theo Cục Thống kê TP.Hải Phòng, trong 9 tháng đầu năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP.Hải Phòng (GRDP) ước tăng 12,28%, cao hơn mức tăng 11,39% của 9 tháng đầu năm 2020.

Trong đó, các chỉ số của 3 khu vực chính của nền kinh tế đều có hướng tăng tích cực.

Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,23%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 19,9%, đóng góp 10,21 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 1,52 điểm phần trăm.

Doanh nghiệp dệt may chờ chính sách mở cửa xuyên suốt

Phân tích về những khó khăn của doanh nghiệp trong ngành, ông Vũ Đức Giang, Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) cho biết ngành công nghệ nói chung và dệt may nói riêng đang đối mặt với năm thách thức lớn:

Đầu tiên là thiếu nguồn lao động có tay nghề. Thách thức này đến từ cách thức quản lý, đối phó dịch của các địa phương khác nhau, chưa thực sự kết nối. Điển hình là TP HCM - nơi được xem là trung tâm trong chiến lược ổn định, kiểm soát Covid-19; ổn định, phát triển kinh tế hay giữ chân người lao động, khiến họ yên tâm ở lại.

Cách thức kiểm soát dịch hồi tháng 6, tháng 7 vừa qua khá lúng túng dẫn đến hiện trạng chuyển dịch lao động, khoảng 37-40% công nhân viên quyết định rời thành phố lớn về quê. "Rất khó để họ quay lại, chỉ còn chưa đến bốn tháng nữa là tới Tết Nguyên đán, không ai quay lại các khu công nghiệp vào thời điểm này", ông Giang nói.

Thách thức thứ hai là việc tiêm chủng cho người lao động chưa triển khai đồng bộ, nhiều nhân sự chưa được tiêm mũi một. Đến tháng 10, 11 mới có thể tiêm phủ vaccine.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp không còn đủ khả năng thực hiện ba tại chỗ nếu dịch vẫn kéo dài, dẫn đến tỷ lệ làm việc rất thấp, chỉ đạt 20-25%. Các giải pháp "tuyến đường", "hai điểm đến" cũng gặp nhiều rào cản. Người lao động ở những nơi khác nhau, cách thực hiện rất khó với doanh nghiệp.

Thứ tư là thực trạng đơn hàng ngành dệt may sụt giảm nghiêm trọng. Khoảng 30-40% đơn rút khỏi thị trường Việt Nam. Các đơn chuyển dịch ra phía Bắc cũng chỉ đạt tỷ lệ thành công 10%.

Thậm chí, Chủ tịch VITAS còn nhận định, kịch bản xấu nhất là nếu tháng 10, Nhà nước vẫn chưa đưa ra một cách rõ ràng về các chính sách và dịch bệnh vẫn kéo dài thì xuất khẩu sẽ chỉ đạt 33-34 tỷ USD. Và để khôi phục lượng đơn hàng như trước là hành trình dài, từ 6 tháng đến một năm.

Tuy nhiên, một tín hiệu đáng mừng là các doanh nghiệp lạc quan, nếu TP HCM và các tỉnh phía Nam thực hiện đúng dự kiến mở cửa trở lại vào ngày 1/10 thì quý IV năm nay sẽ bù đắp cho quý III sụt giảm vừa qua, bởi đây là quý cao điểm của dệt may hàng năm và vấn đề đơn hàng thường không phải lo lắng.

Dù hiện một số đối tác rục rịch chuyển đơn hàng sang các nước nhưng khách hàng vẫn sẽ nhìn vào kế hoạch mở cửa nền kinh tế.

Do đó, nếu TP HCM và các tỉnh, thành mở cửa trở lại, khả năng khách hàng sẽ tiếp tục ở lại với doanh nghiệp Việt Nam, còn nếu việc giãn cách còn kéo dài lâu hơn thì không biết tình hình sẽ thế nào.

Tín dụng được dự báo tăng 4% trong quý IV, hơn 12% trong năm nay

Theo kết quả cuộc điều tra xu hướng kinh doanh quý IV của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) với toàn bộ các tổ chức tín dụng (TCTD) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng được các TCTD dự báo tăng 4% trong quý IV và tăng 12,3% trong năm 2021, thấp hơn mức dự báo trước - 13,1% tại kỳ điều tra trước.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê (GSO), trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tăng trưởng tín dụng đến cuối tháng 9 đạt 7,17%, cao hơn mức 4,99% cùng kỳ 2020.

Trước đó, theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến 31/8, tín dụng toàn nền kinh tế đạt trên 9,87 triệu tỷ, tăng 7,42% so với cuối năm 2020. Như vậy, dư nợ toàn nền kinh tế giảm 23.000 tỷ đồng trong tháng 9.

TPBank là ngân hàng tiên phong tại Việt Nam đáp ứng đồng thời Basel III và IFRS 9

TPBank sẽ nâng cao hơn nữa chất lượng tăng trưởng bền vững và đưa ra được chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn bằng việc sớm đáp ứng toàn diện chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế Basel III.

Đó là điều mà nhiều ngân hàng Việt Nam vẫn đang trong lộ trình hướng tới, và chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 9 được nhiều nhà đầu tư nước ngoài mong đợi. Đồng thời nâng cao mức độ tín nhiệm của ngân hàng trong mắt khách hàng và các nhà đầu tư.

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) hôm nay công bố hoàn thành toàn bộ các yêu cầu của Basel III và IFRS 9 và sẽ triển khai toàn diện cả hai chuẩn mực quốc tế quan trọng này ngay từ quý IV năm nay.

Basel III là chuẩn mực quản trị rủi ro đang được nhiều ngân hàng Việt Nam hướng tới, giúp các ngân hàng nâng cao năng lực vốn, kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng trong những tình huống xấu nhất và quản lý rủi ro thanh khoản. Trong khi đó, IFRS 9 là chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế quan trọng đối với ngân hàng. IFRS 9 mang lại những lợi ích lớn cho các tổ chức tài chính như tăng cường tính minh bạch, tăng khả năng so sánh, gia tăng chất lượng thông tin công bố, từ đó mở rộng cánh cửa hội nhập vào thị trường vốn quốc tế.

Bằng việc đáp ứng toàn bộ yêu cầu của cả Basel III và IFRS 9, TPBank sẽ trở thành ngân hàng Việt Nam tiên phong trong thời điểm này áp dụng đồng thời hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới.

CII: Liên tục "hút" tiền và rót hơn 20.000 tỷ đầu tư từ năm 2018, ban lãnh đạo khẳng định giai đoạn căng thẳng nhất của dòng tiền đã qua

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) vừa tiếp tục có văn bản thông tin đến cổ đông vấn đề dòng tiền kinh doanh của Công ty. Liên quan đến việc liên tục phát hành hàng nghìn tỷ đồng trái phiếu trong thời gian qua, CII cho biết đây là kênh huy động vốn phù hợp với nhu cầu của công ty cũng như khẩu vị của nhà đầu tư. Chưa kể, Công ty đã huy động vốn qua kênh này với nhiều đợt, nhiều loại trái phiếu kể từ ngày thành lập chứ không riêng thời gian gần đây.

Theo CII, giai đoạn 2018 - 2021 là giai đoạn cao điểm giải ngân vốn đầu tư công, dự án trọng điểm (cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Xa lộ Hà Nội...). Tổng mức đầu tư các dự án này hơn 20.000 tỷ đồng.

7 doanh nghiệp trúng đấu giá nhập khẩu đường theo hạn ngạch thuế quan năm nay

Theo ông Trần Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), Thành viên Hội đồng đấu giá, tổng số lượng đường đấu giá là 108.000 tấn đường (mã HS 17.01), trong đó có 76.000 tấn đường thô, 32.000 tấn đường tinh luyện.

Có 11 trong tổng số 14 doanh nghiệp gửi hồ sơ tham gia đấu giá đảm bảo đủ, đúng các tiêu chí hợp lệ để tham gia Phiên đấu giá.

Trong đó, có 9 doanh nghiệp tham gia đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường thô và 2 doanh nghiệp tham gia đấu giá hạn ngạch thuế quan đường tinh luyện.

Kết thúc phiên đấu giá, 7 doanh nghiệp trúng đấu giá (05 doanh nghiệp trúng đấu giá nhập khẩu đường thô và 02 doanh nghiệp trúng đấu giá nhập khẩu đường tinh luyện).

Cụ thể, 2 doanh nghiệp trúng đấu giá nhập khẩu hạn ngạch thuế quan 21.000 tấn đường tinh luyện gồm: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre (20.000 tấn), Công ty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre (1.000 tấn).

5 doanh nghiệp trúng đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu 76.000 tấn đường thô gồm: Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (20.000 tấn), Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (20.000 tấn), Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (16.000 tấn), Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai (16.000 tấn), Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa (4.000 tấn).

Thực phẩm Sao Ta báo doanh thu tháng 9 tăng 21%, chuẩn bị tăng tốc quý cuối năm

Thực phẩm Sao Ta (HoSE: FMC) thông báo doanh thu tiêu thụ tháng 9 đạt 21,7 triệu USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng trong tháng đều tăng với chế biêt tôm đạt 2.499 tấn, tăng 4,5% và tiêu thụ tôm đạt 1.807 tấn, tăng 13,4% so với tháng 9/2020.

Doanh nghiệp cho biết phải thu hẹp quy mô chế biến còn không tới 40% trong tháng 8 vì dịch bệnh Covid-19 bùng phát lây lan cả Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, từ ngày 17/8 tỉnh Sóc Trăng có sách lược phòng chống dịch linh hoạt và tỏ ra đúng hướng, có kết quả rõ rệt, công ty từng bước phục hồi. Từ ngày 16/9, Sóc Trăng tuyên bố trở lại bình thường mới, đang trên đà hồi phục càng khiến hoạt động kinh doanh của Thực phẩm Sao ta tăng tốc trở lại, đến 21/9 cơ bản có số lượng lao động đã nhỉnh hơn so cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp thành viên là Công ty Khang An (KAF) cũng được hồi phục hoạt động tương tự.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu tiêu thụ đạt 154,6 triệu USD, tăng 11,9% so cùng kỳ và thực hiện 77,3% kế hoạch năm. Nếu tình hình này giữ vững, lãnh đạo Sao Ta tự tin sẽ tăng tốc 3 tháng còn lại của năm và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 gồm doanh số 200 triệu USD, lợi nhuận 250 tỷ đồng.

SBT đặt kế hoạch doanh thu hơn 16.900 tỷ đồng cho niên vụ 2021 - 2022, tăng 13% so với cùng kỳ.

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà (SBT) dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2020 – 2021 theo hình thức trực tuyến vào sáng ngày 20/10 sắp tới.

Trong niên độ vừa qua, tổng sản lượng tiêu thụ của SBT tiếp tục vượt mốc 1 triệu tấn, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ. Giá bán trong nửa cuối năm tài chính được cải thiện đáng kể nhờ chính sách thuế phòng vệ được áp dụng.

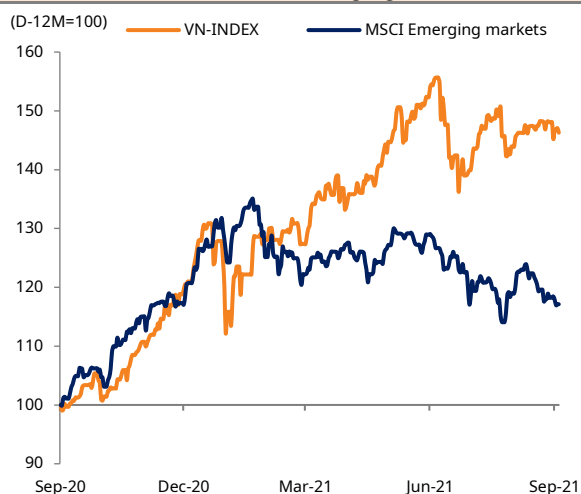
Doanh thu thuần của SBT đạt 14.925 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch và tăng trưởng 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 784 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch và tăng 53%.

Ban điều hành cho biết, trong niên độ 2020 - 2021, công ty đã đẩy mạnh đa dạng hoá, tung ra hàng loạt sản phẩm đường và cạnh đường như: đường đen, nước màu, syrup mía, nước mía đóng lon Míaaha... Riêng với mảng B2C, SBT thâm nhập và phát triển thương hiệu Cô Ba, đánh vào phân khúc đường không nhãn mác được thị trường đón nhận tích cực.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



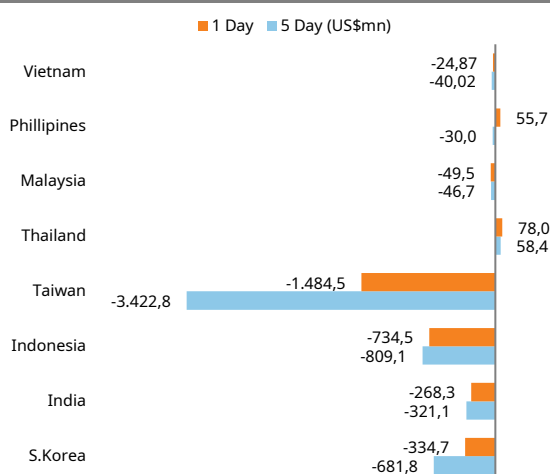
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



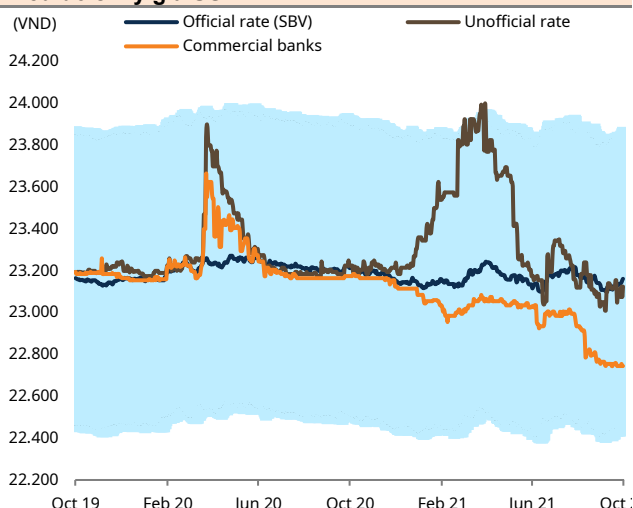
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



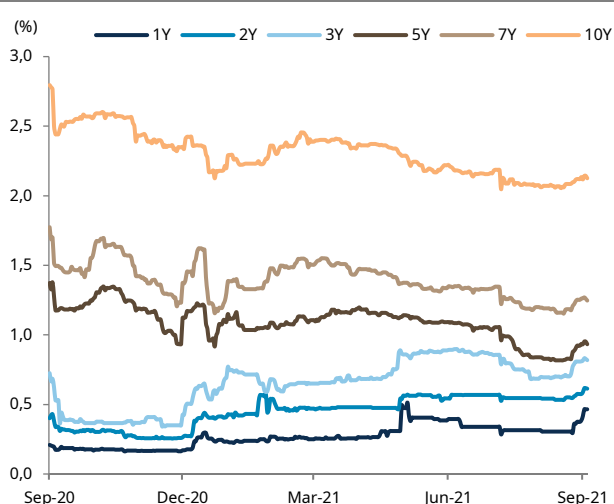
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



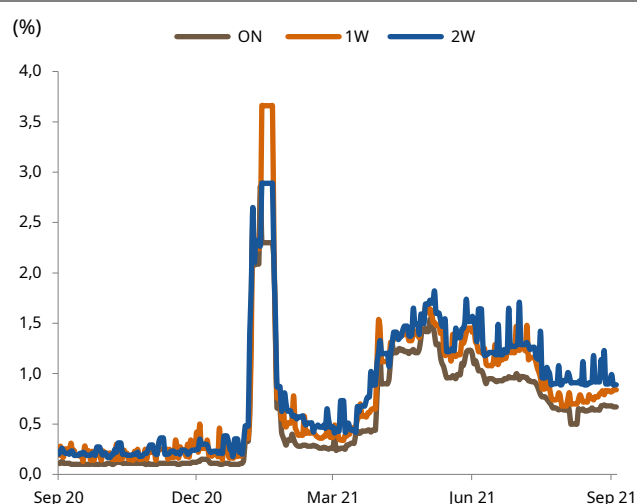
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,441.83	3,765,070		-0.8	-1.2	1.0	66.2	13.9	11.6	2.6	2.2	34.5	20.1	22.7	20.9
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,500	85,111	30.0	-0.2	-1.6	-1.6	75.0	8.5	6.8	1.9	1.5	31.8	25.1	25.6	24.4
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	38,800	156,054	16.7	-1.6	-2.3	-0.5	-5.3	16.8	11.9	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	16.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,900	42,980	26.7	-0.9	-1.5	1.9	18.5	26.0	23.5	2.0	1.9	6.2	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	29,750	142,971	24.6	-2.1	-6.2	-7.2	44.4	10.4	7.8	1.3	1.1	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	92,900	84,304	49.0	-0.1	0.2	0.5	110.3	20.6	17.5	4.4	3.9	25.8	17.5	24.3	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	103,500	198,094	2.5	6.7	13.7	16.8	43.0	22.1	18.1	3.9	3.6	16.1	22.4	18.4	20.6
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	36,100	144,400	0.6	0.6	-2.4	-10.0	192.3	35.9	32.7	2.7	2.6	6.6	9.9	9.6	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	24,850	49,506	18.0	-2.2	-2.5	-3.1	59.0	9.1	7.9	1.7	NA	27.9	15.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	53,400	238,854	26.0	0.9	5.1	8.5	167.0	7.7	7.4	2.5	1.9	142.6	4.0	40.0	30.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,300	26,553	31.0	-0.7	-1.7	5.1	86.6	24.6	18.2	2.8	2.4	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,450	103,715	23.2	-1.4	-4.4	-1.6	116.7	8.5	7.0	1.5	1.3	46.7	21.4	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	140,000	165,275	32.4	-1.8	-1.7	5.0	155.0	49.7	28.2	8.5	6.6	167.3	76.3	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	126,200	89,969	49.0	-1.3	-3.3	14.5	80.3	18.7	14.6	4.1	3.6	17.3	28.1	24.5	27.2
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	102,000	150,308	9.0	0.0	-1.0	-2.6	119.7	35.2	18.8	4.3	3.4	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	84,000	40,889	3.1	2.7	4.6	-2.0	176.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,900	65,944	17.6	0.6	3.8	2.2	2.2	17.7	15.5	NA	NA	328.0	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,000	22,509	48.3	0.3	7.6	16.1	60.5	21.0	16.7	3.8	3.3	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,200	28,571	2.9	2.1	5.2	-2.0	18.4	13.6	10.8	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bía - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	154,200	98,886	62.7	-1.4	-3.6	3.7	-16.4	21.1	17.7	4.3	3.8	2.6	18.8	23.0	24.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	39,200	38,524	44.6	-3.6	-6.2	-3.0	233.4	20.1	18.0	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	24,700	46,565	15.7	-3.9	-7.7	-9.2	79.6	17.0	12.5	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,000	172,035	22.5	-1.2	-3.2	1.4	114.9	10.2	8.5	1.9	1.5	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	42,600	49,913	30.0	2.4	2.4	24.6	110.7	9.9	8.3	1.9	1.6	26.3	18.9	22.6	20.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,900	355,681	23.6	-1.3	-3.6	-3.5	13.1	18.1	14.2	3.1	2.5	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	77,000	335,286	22.9	-1.7	-3.3	-6.4	29.8	9.6	9.0	2.8	2.1	25.0	6.6	32.1	27.1
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	87,700	333,717	13.9	-0.3	0.8	-6.8	6.7	58.3	56.0	3.6	3.4	0.1	4.0	4.1	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	128,800	69,760	17.6	0.7	3.0	2.6	22.1	NA	36.1	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,800	187,678	54.7	0.2	-1.0	1.9	-17.8	18.9	17.5	5.8	5.5	-0.2	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	63,900	157,817	15.4	-3.0	-4.6	3.9	165.1	12.4	10.5	1.9	1.6	20.5	17.9	22.9	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,200	64,079	29.7	-3.1	-1.1	1.1	1.8	25.5	17.7	2.2	2.1	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	1D	Biến động giá (%)			P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
				1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-16.28	5,134,830	-0.5	-1.2	0.0	46.0	15.8	12.9	2.5	2.2	33.5	22.6	20.2	19.2
Ô tô và phụ tùng	-0.02	9,074	-0.8	-0.7	-3.7	42.4	7.9	6.8	1.4	1.2	19.8	16.4	11.8	12.3
Ngân hàng	-16.98	1,539,571	-1.7	-3.9	-1.2	52.7	12.3	9.7	1.9	1.6	31.7	26.0	19.0	18.9
Xây dựng cơ bản	-0.93	204,036	-0.3	-1.5	-0.5	93.3	8.1	5.4	0.5	0.4	28.8	1.2	7.9	7.4
Dịch vụ thương mại	-0.02	5,140	-0.9	-1.4	-1.9	34.6	7.2	5.6	NA	NA	10.8	39.0	9.3	12.2
May mặc và trang sức	0.44	46,661	0.8	3.8	9.1	113.1	14.5	11.5	2.6	2.3	18.4	27.8	15.3	17.7
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,645	-0.9	-0.6	4.3	26.2	NA	15.5	NA	NA	NA	NA	-9.8	3.9
Dịch vụ tài chính	-2.44	131,863	-2.7	-6.5	-4.1	260.5	5.3	6.4	0.7	0.6	87.7	-12.3	3.8	3.9
Năng lượng	1.15	88,446	1.2	5.2	6.4	24.9	45.1	16.7	0.2	0.2	NA	85.5	13.3	13.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.71	560,940	-0.7	-1.7	2.8	40.9	26.2	17.5	5.2	4.5	60.1	34.2	20.9	22.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	1,430	-4.1	-5.1	-11.9	65.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,847	0.2	-0.2	0.5	-1.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.17	53,062	-0.9	-1.2	3.1	25.1	22.4	20.5	1.8	1.7	11.2	9.4	7.6	8.0
Nguyên vật liệu	3.69	563,871	1.2	2.7	4.0	175.2	15.1	14.1	2.3	1.9	NA	2.2	25.4	20.2
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,309	-0.2	-3.5	-4.6	-24.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.19	37,349	-1.2	-3.0	2.6	28.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-4.38	1,148,940	-0.2	-1.8	-5.5	19.7	9.4	8.2	1.5	1.4	4.3	14.6	8.7	9.1
Bán lẻ	-0.72	100,110	-0.8	-1.2	-4.3	49.3	32.1	24.4	2.7	6.3	7.3	50.7	13.4	12.8
Phần mềm và dịch vụ	0.00	91,466	-1.1	-2.5	13.8	77.3	18.3	14.1	3.8	3.3	31.2	28.9	22.5	25.1
Thiết bị và phần cứng	0.09	10,599	-0.2	0.0	1.7	110.2	19.0	16.2	4.0	3.6	29.5	17.6	22.4	23.3
Dịch vụ viễn thông	-0.04	2,227	1.0	3.2	40.6	340.0	24.0	18.6	6.9	5.3	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	-0.05	197,077	0.3	-5.6	43.3	477.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	6.75	289,276	-0.2	0.6	5.4	62.9	4.0	16.9	24.7	0.4	20.4	NA	-76.4	46.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	103,500	13.7	2,795,460	6.4
HPG VN	53,400	5.1	30,521,220	3.1
VIC VN	87,700	0.8	2,487,640	0.7
PLX VN	51,900	3.8	1,860,900	0.6
DCM VN	28,200	16.5	6,220,620	0.6
VJC VN	128,800	3.0	890,380	0.6
DGC VN	158,900	7.4	1,137,440	0.5
PDR VN	84,000	4.6	3,530,460	0.5
PNJ VN	99,000	7.6	799,560	0.4
DPM VN	38,100	10.4	7,595,820	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	95,900	-3.6	865,360	-3.6
VHM VN	77,000	-3.3	4,141,760	-3.0
CTG VN	29,750	-6.2	8,715,360	-2.5
VPB VN	63,900	-4.6	7,772,360	-2.1
VIB VN	34,300	-10.8	1,577,300	-1.7
TCB VN	49,000	-3.2	5,974,720	-1.5
MBB VN	27,450	-4.4	9,598,940	-1.3
STB VN	24,700	-7.7	14,929,900	-1.0
SAB VN	154,200	-3.6	112,980	-1.0
BID VN	38,800	-2.3	1,467,400	-1.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.